

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đinh Văn Đại

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đinh Văn Đại

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đinh Văn Đại

Mã SV:1412401187

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	3
1.1.1 . Khái niệm	3
1.1.1.1 Doanh thu:	3
1.1.1.2 Chi phí:	3
1.1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh (KQKD) :	3
1.1.2 Phân loại doanh thu, thu nhập, chi phí.	3
1.1.2.1 Doanh thu	3
1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu:	4
1.1.2.3 Chi phí	5
1.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.	8
1.2.1 Kế toán doanh thu	8
1.2.1.1 Kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
1.2.1.2. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính	11
1.2.1.3. Kế toán Thu nhập khác	13
1.2.2 Kế toán chi phí	15
1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	15
1.2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
1.2.2.3 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	19
1.2.2.4 Chi phí khác	21
1.2.2.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.3. Hình thức sổ kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	25
1.3.1 Hình thức nhật ký chung	25
1.3.2 Hình thức nhật ký- sổ cái	27
1.3.4 Hình thức kế toán trên máy tính	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG.	31
2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH cơ khí Mai Phương.	31
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH cơ khí Mai Phương	31
2.1.2 Đặc điểm sản phẩm công ty.....	31
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của công ty:.....	32
2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Mai Phương.....	32
2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ từng bộ phận:	34
2.2 Khái quát tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương ..	35
2.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán	35
TNHH cơ khí Mai Phương	36
2.2.2 Chính sách kế toán áp dụng tại cty TNHH cơ khí Mai Phương.....	37
2.3 Thực trạng tổ chức tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.	37
2.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	37
2.3.1.1 Kế toán giá vốn hàng bán	45
2.3.1.2. Chi phí quản lý kinh doanh	49
2.3.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	54
2.3.1.4. Chi phí tài chính	58
2.3.1.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	58
CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG.	70
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.	70
3.1.1. Ưu điểm.....	70
3.1.2. Hạn chế.....	71
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	71
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	72

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.....	72
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.....	72
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán	73
3.4.3. Kiến nghị 3: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí.....	75
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.....	80
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	80
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	80
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10
Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu tài chính.....	12
Sơ đồ 1.3: Hạch toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán	16
Sơ đồ 1.5: Hạch toán chi phí quản lí kinh doanh.....	18
Sơ đồ 1.6: Hạch toán chi phí tài chính.....	20
Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí khác	21
Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	22
Sơ đồ 1.9: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
Sơ đồ 1.10: Hạch toán doanh thu chi phí và XĐKQKD theo hình thức sổ nhật kí chung.....	26
Sơ đồ 1.11: Hạch toán doanh thu,chi phí và XĐKQKD theo hình thức sổ nhật kí sổ cái	27
Sơ đồ 1.12: Hạch toán theo hình thức sổ chứng từ ghi sổ	29
Sơ đồ 1.13: Hạch toán doanh thu,chi phí và XĐKQKD theo hình thức ghi trên phần mềm máy tính	30
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.	35
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung của Công ty ...	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT.....	39
Biểu số 2.2 GBC ngày 03/11/2017.....	40
Biểu số 2.3 – HĐ GTGT 0002265.....	41
Biểu số 2.4 – Phiếu thu số 27/11	41
Biểu số 2.5 – Sổ nhật ký chung (trích)	43
Biểu số 2.6 – Sổ cái TK511 (trích).....	44
Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho số 3/11.....	46
Biểu số 2.8. Trích sổ Nhật ký chung	47
Biểu số 2.9. Trích sổ cái tài khoản 632.....	48
Biểu số 2.10 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	50
Biểu số 2.11 – Phiếu chi số 10/11	51
Biểu số 2.12 – Sổ Nhật ký chung (trích)	52
Biểu số 2.13 – Sổ cái TK 642 (trích).....	53
Biểu 2.14: Giấy báo có	55
Biểu 2.15: Sổ nhật kí chung	56
Biểu 2.16: Sổ cái	57H
Biểu số 2.17 – Phiếu kế toán số 10.....	60
Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 11	61
Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 12.....	62
Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 12.....	63
Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 12.....	64
Biểu số 2.22. Trích sổ nhật ký chung	65
Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK 911	66
Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK 821	67
Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 821	68
Biểu số 2.26. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	69
Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng.....	76
Biểu số 3.2 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	77
Biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng.....	78
Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	79

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hội nhập mạnh mẽ với sự cạnh tranh khốc liệt vốn có, dưới sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự chủ về tài chính dựa trên nguyên tắc lấy thu bù chi. Để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của mình các doanh nghiệp đều hướng tới mục tiêu cuối cùng đó là lợi nhuận. Do vậy nhu cầu sử dụng thông tin tài chính một cách nhanh chóng, đầy đủ và chính xác càng trở nên cấp thiết. Vai trò của kế toán được khẳng định rõ hơn trong xu thế phát triển kinh tế ngày nay, bởi kế toán là một dụng cụ quản lý tài chính, cung cấp các thông tin tài chính hiện thực, có giá trị pháp lý và độ tin cậy cao, giúp doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan đánh giá đúng đắn tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị làm cơ sở để đưa ra các quyết định kinh tế kịp thời.

Bên cạnh đó phải kể đến là vai trò của kế toán kết quả kinh doanh trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Bởi đây là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh thực trạng sản xuất kinh doanh. Đồng thời, nó cũng là một dụng cụ tài chính phục vụ đắc lực cho công tác quản trị: dựa vào kết quả kinh doanh giúp ta có cái nhìn vừa tổng quan, vừa chi tiết về tình hình cụ thể tại đơn vị. Thông qua việc theo dõi thực trạng, đánh giá các vấn đề thực tế nhà quản trị đưa ra những giải pháp, những quyết định kinh tế phù hợp nhằm thực hiện mục tiêu quan trọng đã định. Điều đó đòi hỏi việc xác định kết quả kinh doanh phải được thực hiện một cách kịp thời và chính xác, đây chính là nhiệm vụ chung của công tác kế toán.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Về mặt lí luận, hệ thống những vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh theo chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

Về mặt thực tiễn, đề tài dựa trên cơ sở lý luận để làm rõ thực trạng kế toán doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương. Đồng thời, thông qua việc đánh giá thực trạng chỉ ra những ưu điểm, cũng như hạn chế còn tồn tại. Căn cứ những tổng kết thực tế đó nhằm đưa ra các đề xuất, giải pháp để hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng: Đề tài tập trung nghiên cứu doanh thu và các khoản giảm doanh thu trên cơ sở đó xác định doanh thu thuần, quy trình hạch toán chi phí để xác định kết quả như giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tại đơn vị để tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

Phạm vi nghiên cứu: Các số liệu và tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty trong thời gian năm 2017.

4. Phương pháp nghiên cứu

Xuất phát từ nguyên lý chung, đề tài vận dụng tổng hợp các phương pháp như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, thống kê.

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương :

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1 . Khái niệm

1.1.1.1 Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bao gồm: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.

1.1.1.2 Chi phí:

Chi phí: là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông và chủ sở hữu.

Chi phí gồm: chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác, giá vốn hàng bán.

1.1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh (KQKD):

KQKD là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp, bao gồm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số còn lại của doanh thu thuần sau khi trừ giá vốn hàng bán, chi phí hàng bán và chi phí doanh nghiệp. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm: kết quả của hoạt động sản xuất, chế biến, kết quả hoạt động thương mại, kết quả hoạt động lao vụ, dịch vụ.

Lãi (lỗ) = Doanh thu thuần + doanh thu tài chính – (giá vốn hàng bán + chi phí bán hàng + chi phí quản lý doanh nghiệp + chi phí khác).

1.1.2 Phân loại doanh thu, thu nhập, chi phí.

1.1.2.1 Doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Doanh thu bán hàng là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng số doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

-Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng trong doanh nghiệp phải thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý và kiểm soát sản phẩm
- + Doanh thu xác định tương đối chắc chắn
- + Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng
- + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ các khoản giảm trừ như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại,...
- Doanh thu hoạt động tài chính: là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu....
- ✓ Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)
- ✓ Cổ tức, lợi nhuận được chia..
- ✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.
- ✓ Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- ✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- ✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- ✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

-Thu nhập khác: Là những khoản lợi nhuận mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc dự tính trước nhưng ít có khả năng xảy ra. Những lợi nhuận có thể do chủ quan đơn vị hoặc do khách quan đưa tới. Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- ✓ Thu về thanh lý nhượng bán tài sản cố định.
- ✓ Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng.
- ✓ Thu từ các khoản nợ khó đòi, xóa sổ.
- ✓ Thu từ các khoản nợ không xác định được chủ.

1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu:

- **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

-**Chiết khấu thương mại:** Là khoản dịch vụ bán hạ giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

-**Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do những hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc thị hiếu.

-**Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.1.2.3 Chi phí

-Giá vốn hàng bán: là giá thực tế xuất kho của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kì.

- Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

+ Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm hàng hóa vật tư (hàng tồn kho) xuất được xác định trên cơ sở lấy số lượng xuất nhân với đơn giá bình quân. Phạm vi tính đơn giá xuất bình quân có thể là cả kỳ hiện tại, sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ trước trong đó:

- **Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ:**

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ
- Nhược điểm: Độ chính xác không cao, lượng công việc dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tiến độ của phần hành khác. Ngoài ra phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Bình} \\ \text{quân} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{giá trị hàng mua vào trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng mua vào trong kỳ}}$$

- **Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:**

- Ưu điểm: Khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên đạt được độ chính xác cao, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý
- Nhược điểm: Việc tính toán phức tạp, nhiều lần tốn nhiều công sức nên phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có số lượng hàng hóa nhập xuất ít

$$\text{Đơn giá} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Bình quân Lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

+ **Phương pháp nhập trước, xuất trước:** Theo phương pháp này tính giá hàng tồn kho tồn kho xuất trên cơ sở giả định rằng lượng hàng nào có trước thì xuất trước, nếu không đủ thì tính theo giá của lần nhập tiếp theo cho lượng hàng còn thiếu. Với phương pháp này giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá của lần nhập sau cùng.

+ **Phương pháp giá đơn vị thực tế đích danh:** Phương pháp này xác định giá trị hàng tồn kho xuất bằng cách lấy số lượng hàng tồn kho xuất nhân (x) với giá đơn vị của lần nhập tương ứng. Phương pháp này có ưu điểm kết quả tính toán có độ chính xác cao nhưng đơn vị phải có mặt bằng rộng có thể quản lý riêng biệt hàng tồn kho theo từng lần nhập.

- Ưu điểm: Đây là phương án tốt nhất nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị thực tế của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra, giá trị hàng hóa tồn kho được phản ánh đúng giá trị thực tế của nó.
- Nhược điểm: Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp có kinh doanh ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định. Đối với doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

➤ Chi phí quản lý kinh doanh gồm:

-Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kì như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí quảng cáo...

-Chi phí quản lý doanh nghiệp: là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý bao gồm nhiều loại như chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hành chính và chi phí chung khác.

-Chi phí hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính.

-Chi phí khác : là các khoản chi phí thực tế phát sinh các khoản lỗ do các sự kiện hoặc các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN mang lại. Ngoài ra cũng bao gồm các khoản chi phí kinh doanh bị bỏ sót từ những năm trước nay phát hiện ghi bổ sung..

1.1.2.4 Kết quả kinh doanh

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh thuần của doanh nghiệp.

Công thức tính:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu thuần – [Giá vốn hàng bán + Chi phí quản lý kinh doanh]

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: Phản ánh hiệu quả của hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được tính bằng cách lấy thu nhập từ hoạt động tài chính trừ đi các chi phí phát sinh.

- Lợi nhuận trước thuế: Là lợi nhuận đạt được trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Lợi nhuận sau thuế: Là phần còn lại sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách nhà nước. Lợi nhuận sau thuế được dùng để trích lập các quỹ của doanh nghiệp.

1.2 Nội dung kế toán doanh thu , chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1 Kế toán doanh thu

1.2.1.1 Kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sin, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền
- Phù hợp: Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp.
- Thận trọng: Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT), hoá đơn bán hàng (02-GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho (,ẫu 02 - VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hoá: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và đầu tư bất động sản

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

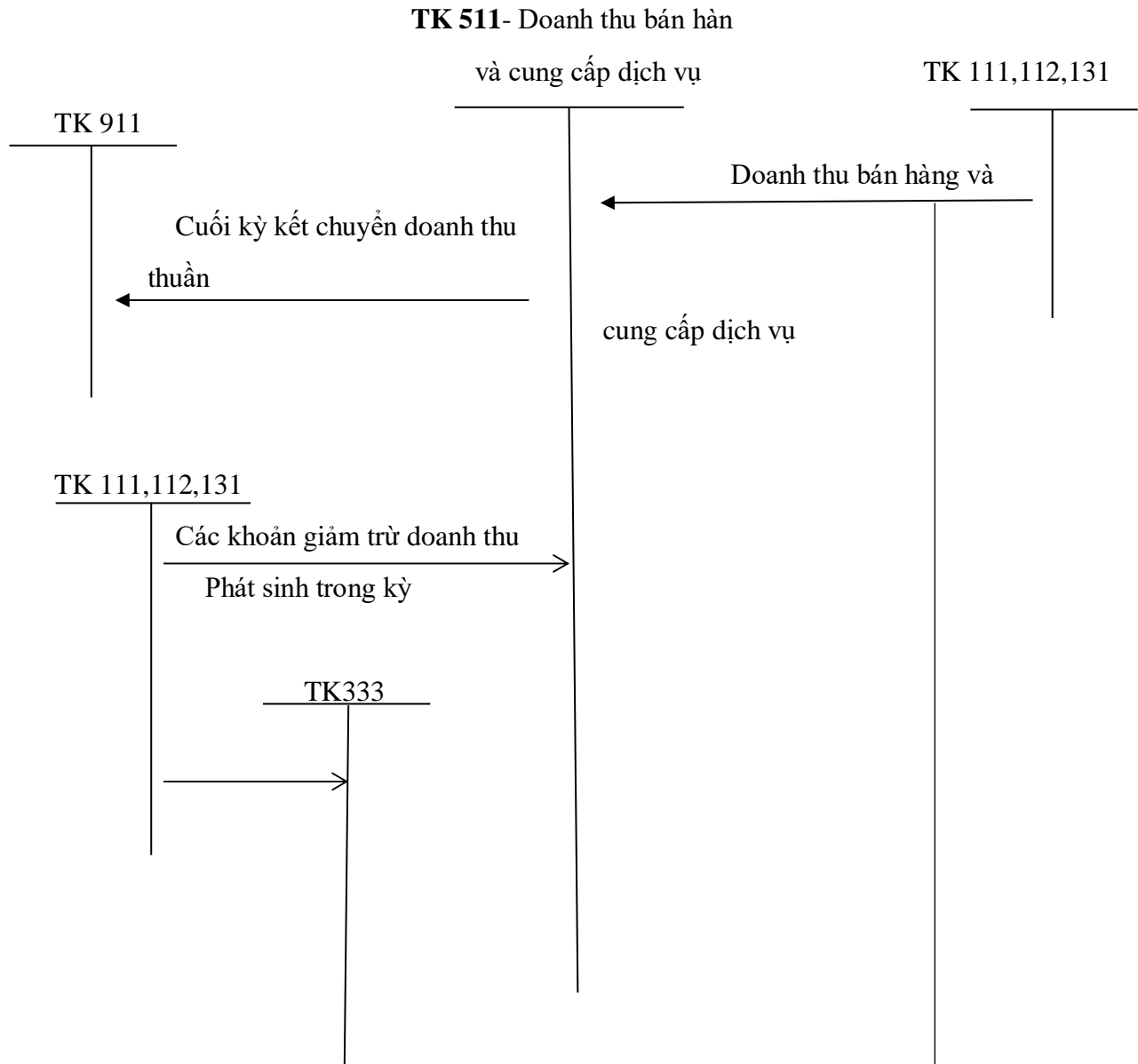
Các TK cấp 2:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5118: Doanh thu khác

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

1.2.1.2. Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính**a. Chứng từ và sổ sách sử dụng làm cơ sở hạch toán**

-Giấy báo có của ngân hàng

-Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 515

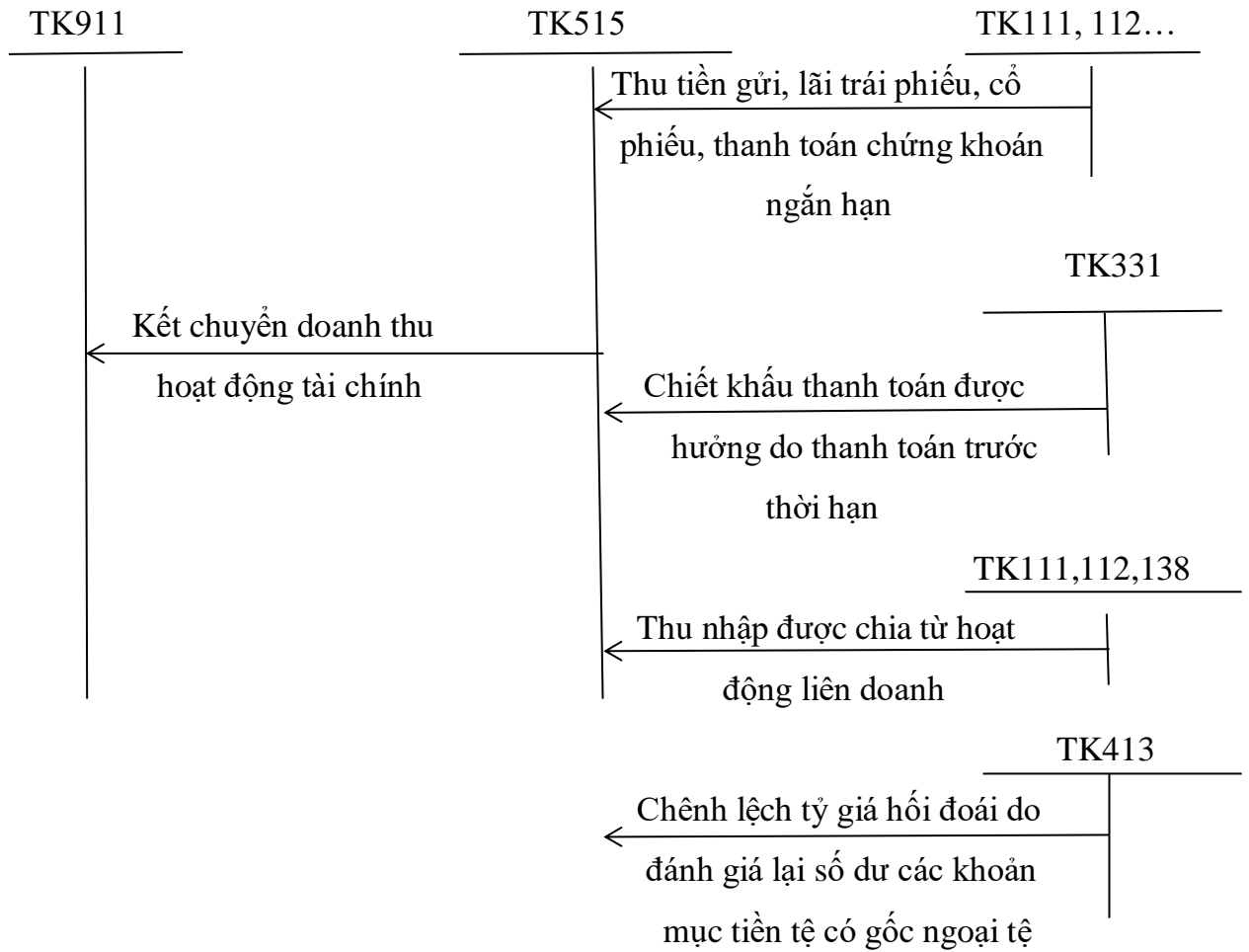
b. Tài khoản sử dụng

Tk 515: Doanh thu hoạt động tài chính

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu tài chính**

1.2.1.3. Kế toán Thu nhập khác

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng làm cơ sở hạch toán

- Hợp đồng kinh tế, hợp đồng bảo hiểm, giấy thanh lý, nhượng bán tài sản và các giấy tờ có liên quan.

- Sổ sách sử dụng: sổ cái TK 711

b. Tài khoản sử dụng

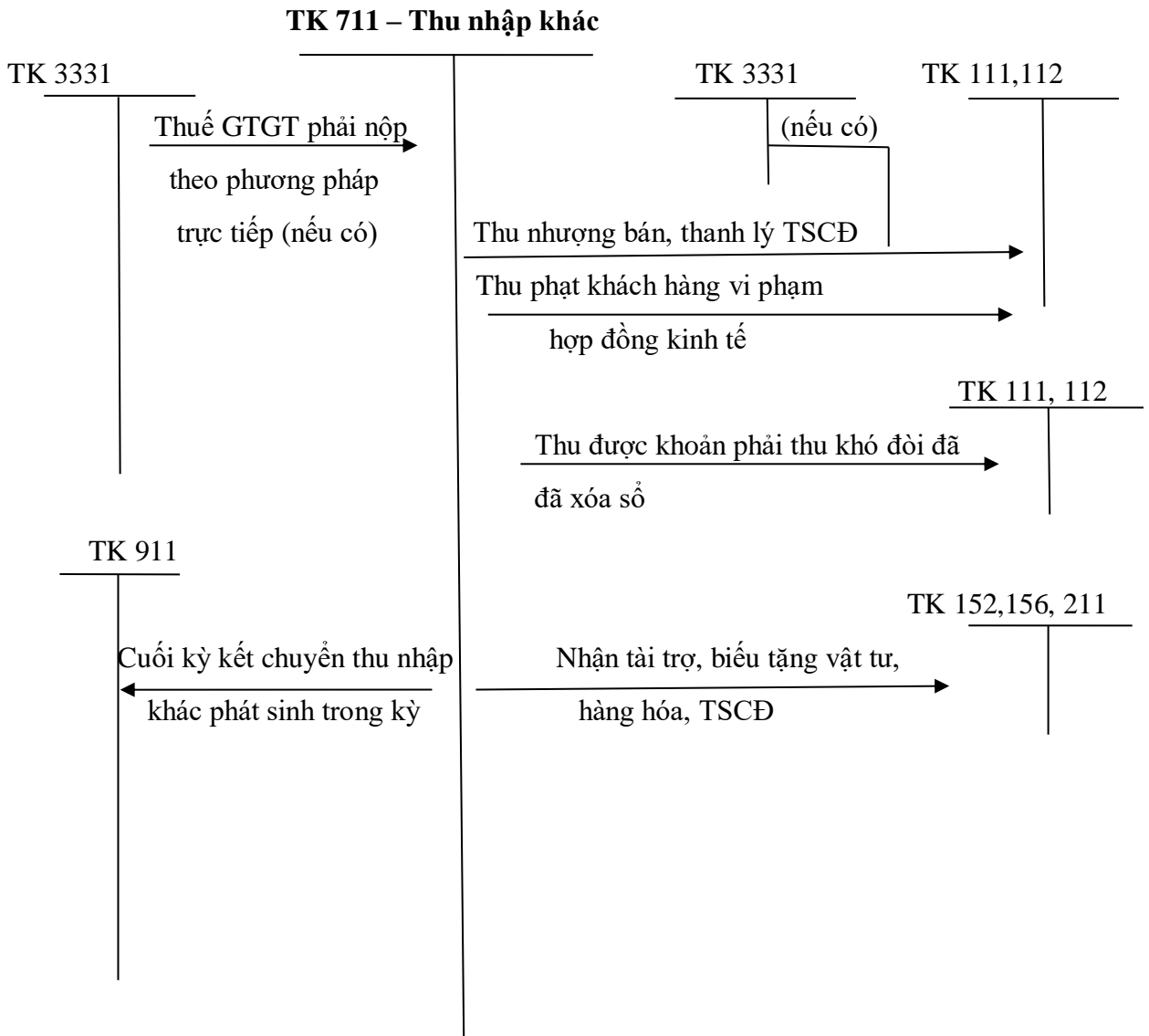
TK711: Thu nhập khác

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ. - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ. - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp. - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót. 	
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có	

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.3: Hạch toán thu nhập khác

1.2.2 Kế toán chi phí**1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán**

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng làm cơ sở hạch toán

- chứng từ : phiếu xuất kho

- sổ sách sử dụng: TK 632

b. Tài khoản sử dụng

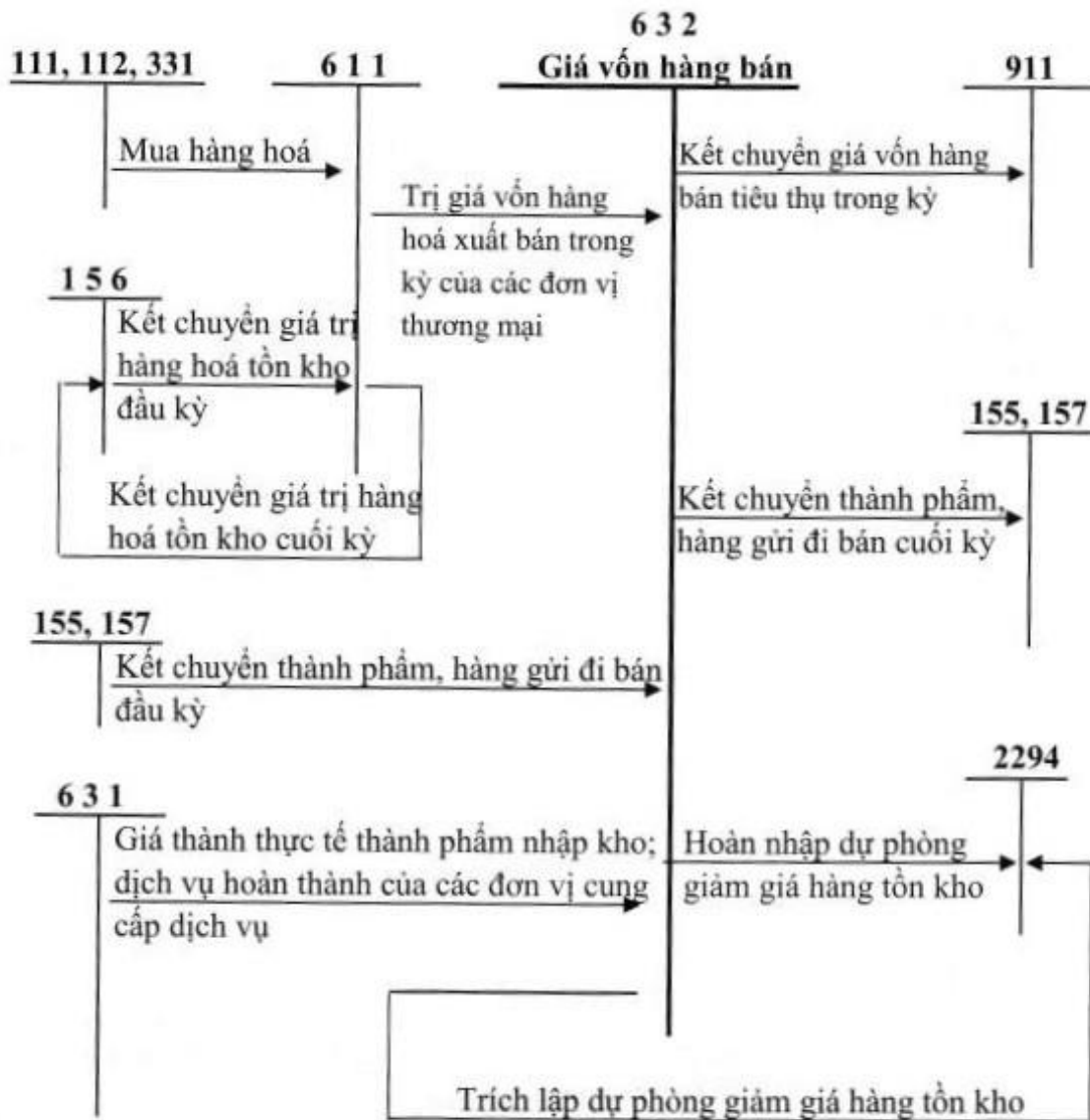
TK632: Giá vốn hàng bán

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có	

Tài khoản 632 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán

1.2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**a. Chứng từ sổ sách làm cơ sở hạch toán**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có.
- Sổ cái tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

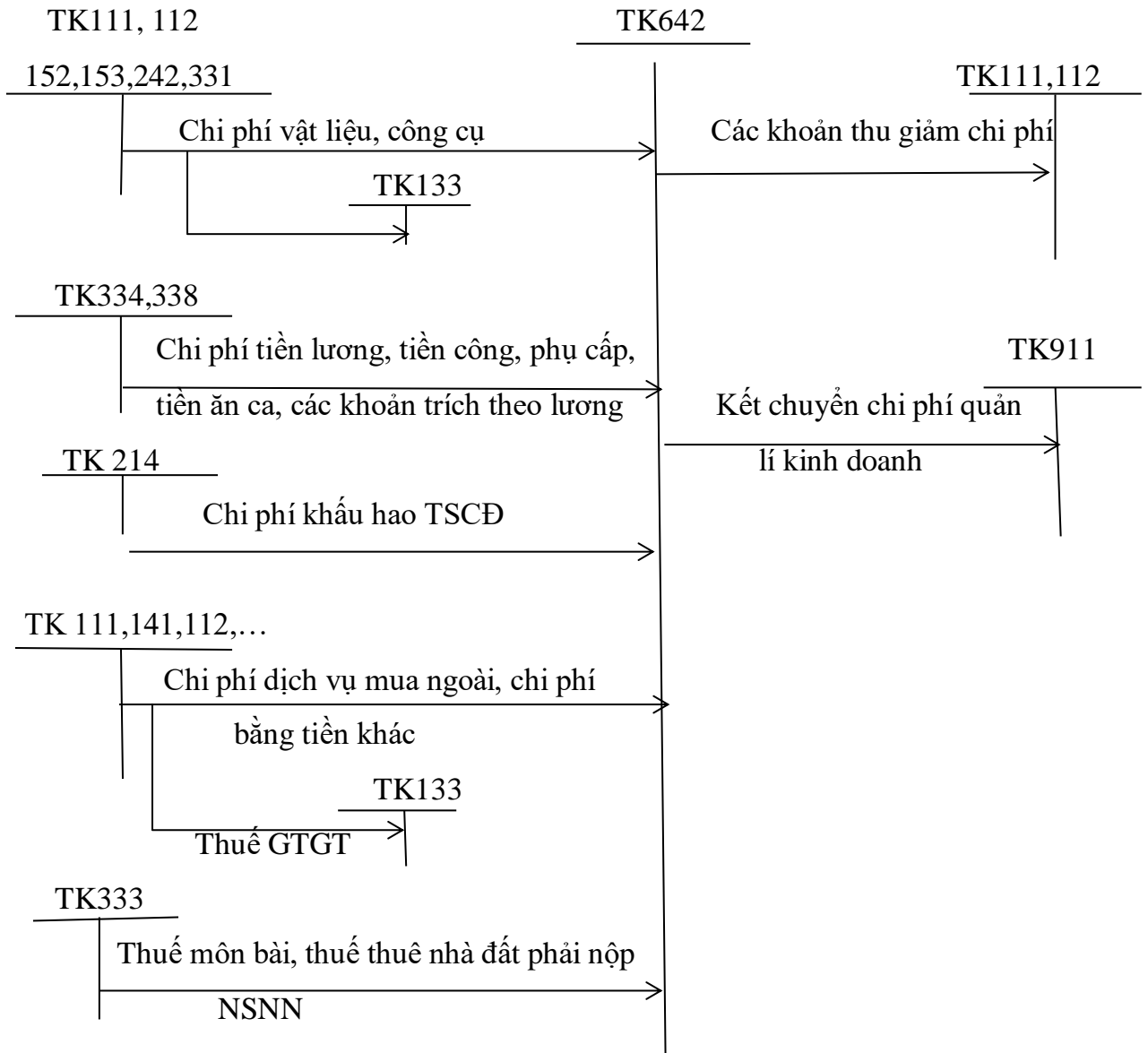
Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng

Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.5: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**

1.2.2.3 Kế toán chi phí hoạt động tài chính*a. Chứng từ sổ sách làm cơ sở hạch toán*

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Sổ cái tài khoản 635: Chi phí tài chính

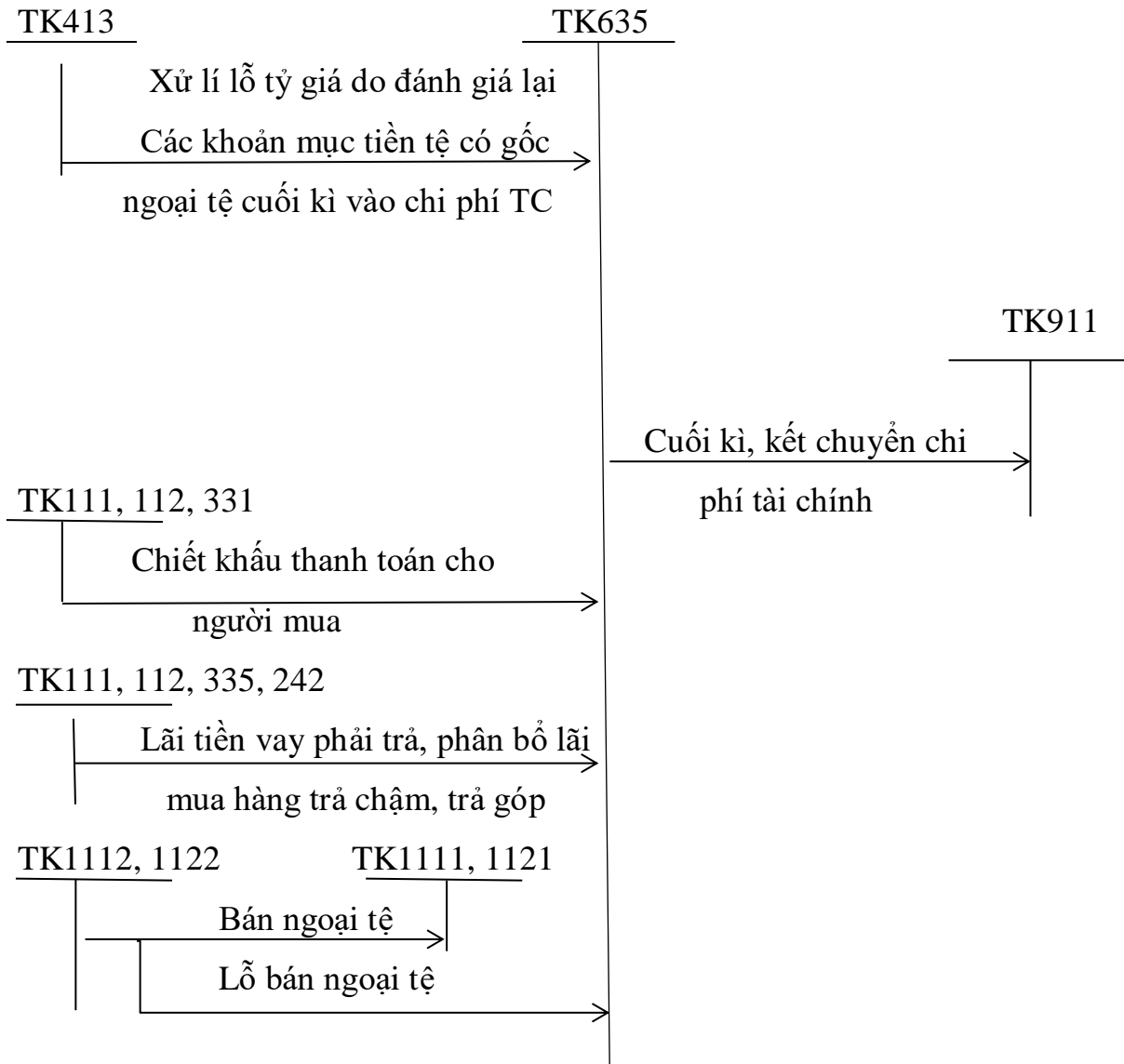
b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ khi bán ngoại tệ; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kì. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d. Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.6: Hạch toán chi phí tài chính**

1.2.2.4 Chi phí khác*a. Chứng từ sổ sách làm cơ sở hạch toán*

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Hóa đơn bảo hiểm, biên lai nộp thuế
- Sổ chi tiết tài khoản 811
- Các giấy tờ liên quan khác

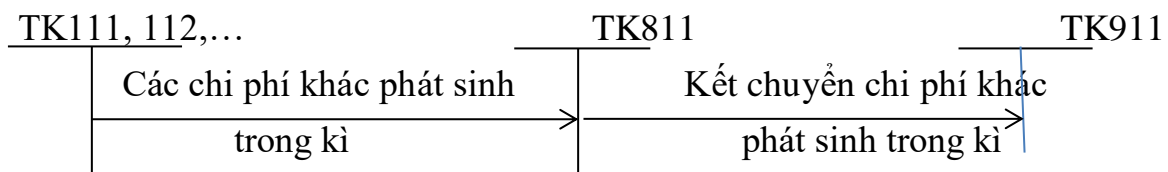
b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811: Chi phí khác

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí khác

1.2.2.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chứng từ sổ sách làm cơ sở hạch toán

- Phiếu kế toán

- Sổ cái YK 821

b. Tài khoản sử dụng

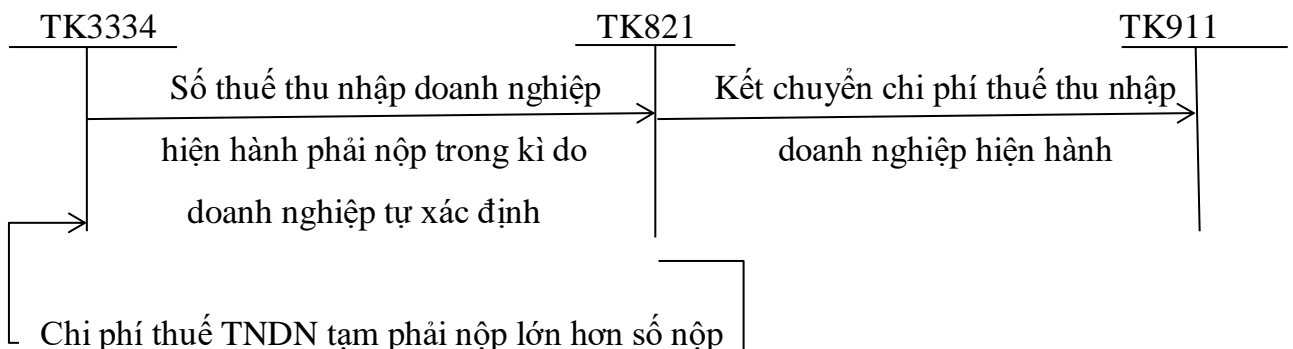
Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh*a. Chứng từ sổ sách làm cơ sở hạch toán*

- Phiếu kế toán

- Sổ cái TK 911

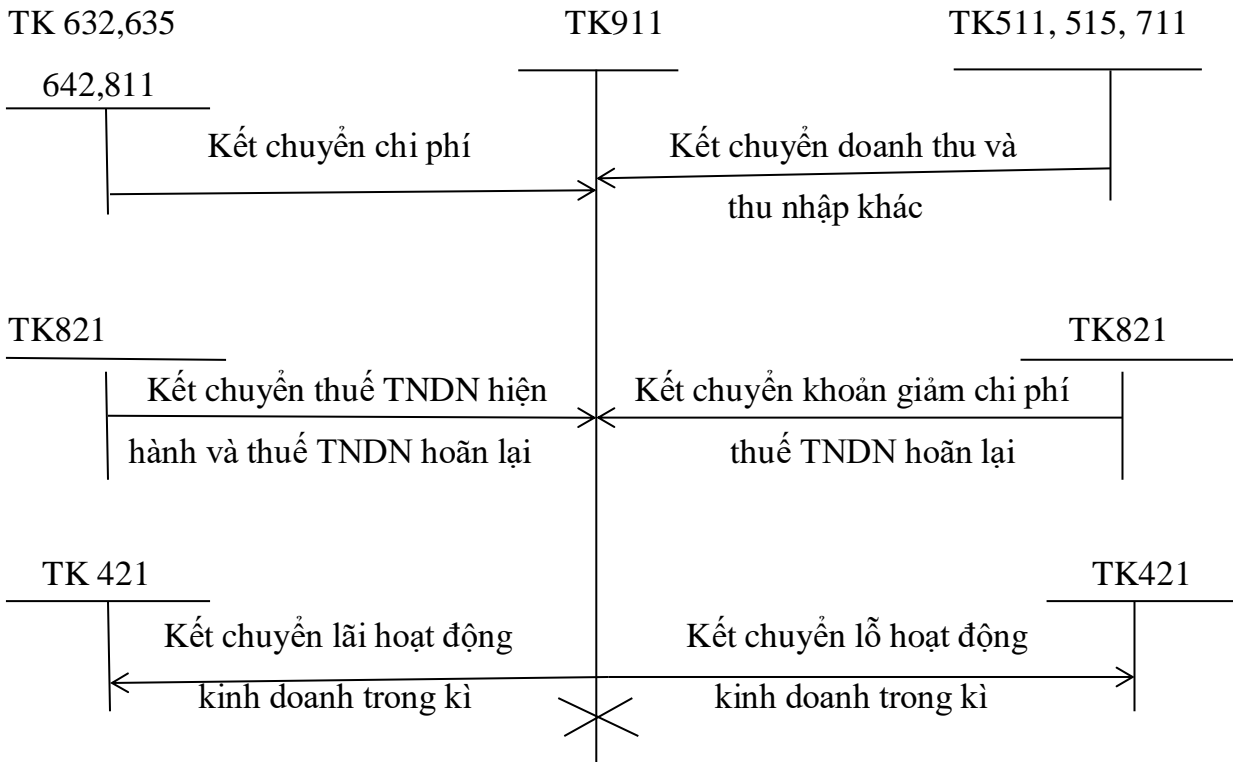
b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911: xác định kết quả kinh doanh

c. Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

d. Sơ đồ hạch toán**Sơ đồ 1.9: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

1.3.Hình thức sổ kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Theo TT 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/8/ doanh nghiệp có thể áp dụng 1 trong 4 hình thức sau:

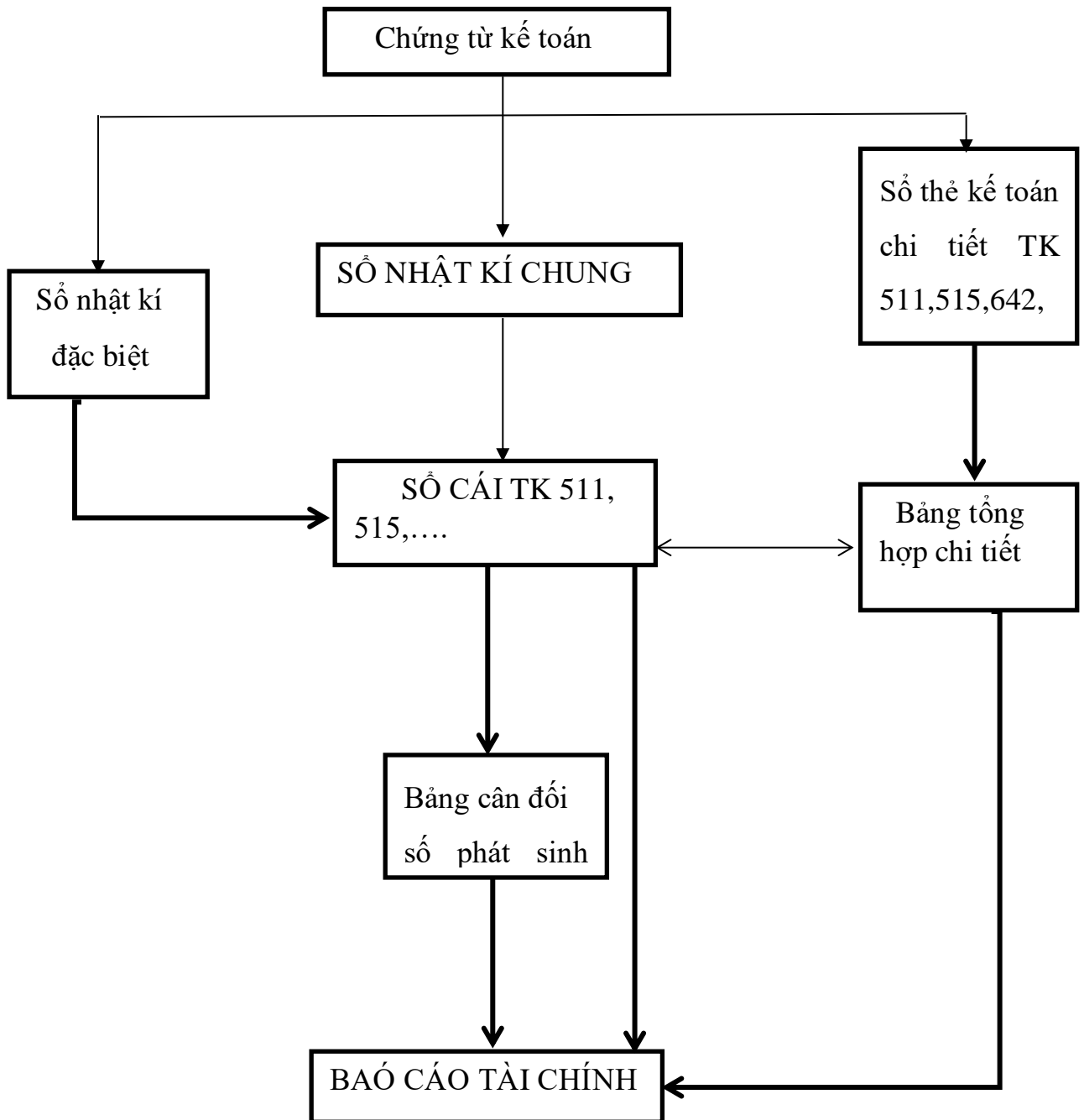
1.3.1 Hình thức nhật kí chung

Đặc trưng:

- Ghi sổ theo hình thức kế toán nhật kí chung tức là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi nhận vào sổ nhật kí chung dựa trên các chứng từ kế toán: hóa đơn phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho...Dựa vào những số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung để vào sổ cái cho từng đối tượng kế toán theo trình tự thời gian.

- Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ có quy mô vừa và nhỏ.

Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung :



Sơ đồ 1.10: Hạch toán doanh thu chi phí và XĐKQKD theo hình thức sổ nhật kí chung.

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kì: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

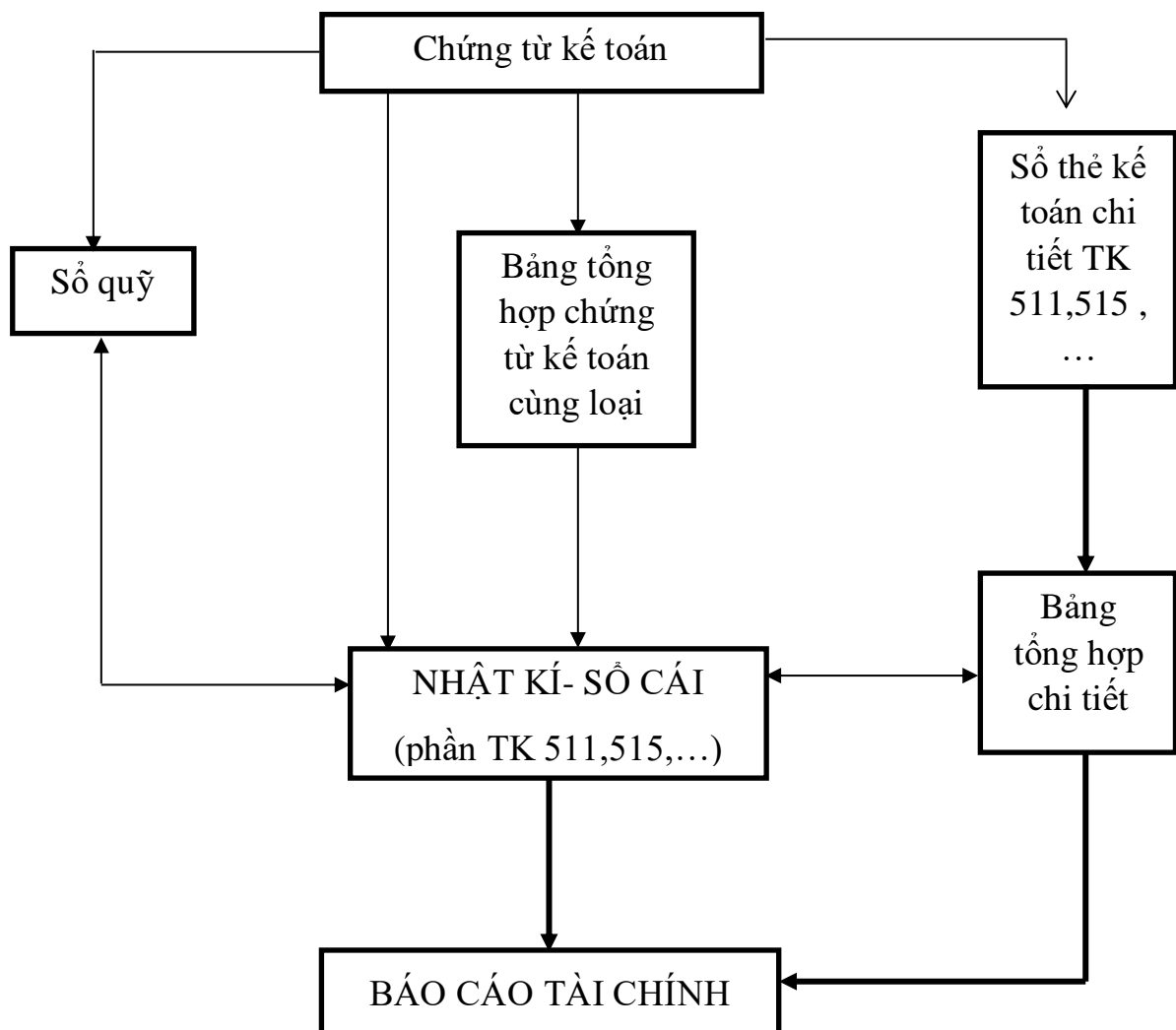
1.3.2 Hình thức nhật kí- sổ cái

Đặc trưng

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên các chứng từ kế toán đều được ghi vào sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật kí sổ cái theo trình tự thời gian, ngoài các chứng từ kế toán, kế toán có thể dựa vào những số liệu đã được ghi nhận trên bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại để ghi vào nhật kí sổ cái

- Điều kiện áp dụng: chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, chỉ áp dụng ít tài khoản kế toán khi hạch toán.

Sơ đồ trình tự ghi sổ hình thức Nhật ký – Sổ Cái:



Sơ đồ 1.11: Hạch toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức sổ nhật kí sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đôi chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

+Ưu điểm: - số lượng ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép

+Nhược điểm : - khó thực hiện việc phân công lao động kế toán

-khó thực hiện với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn do phát sinh nhiều tài khoản.

1.3.3 Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng

- Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

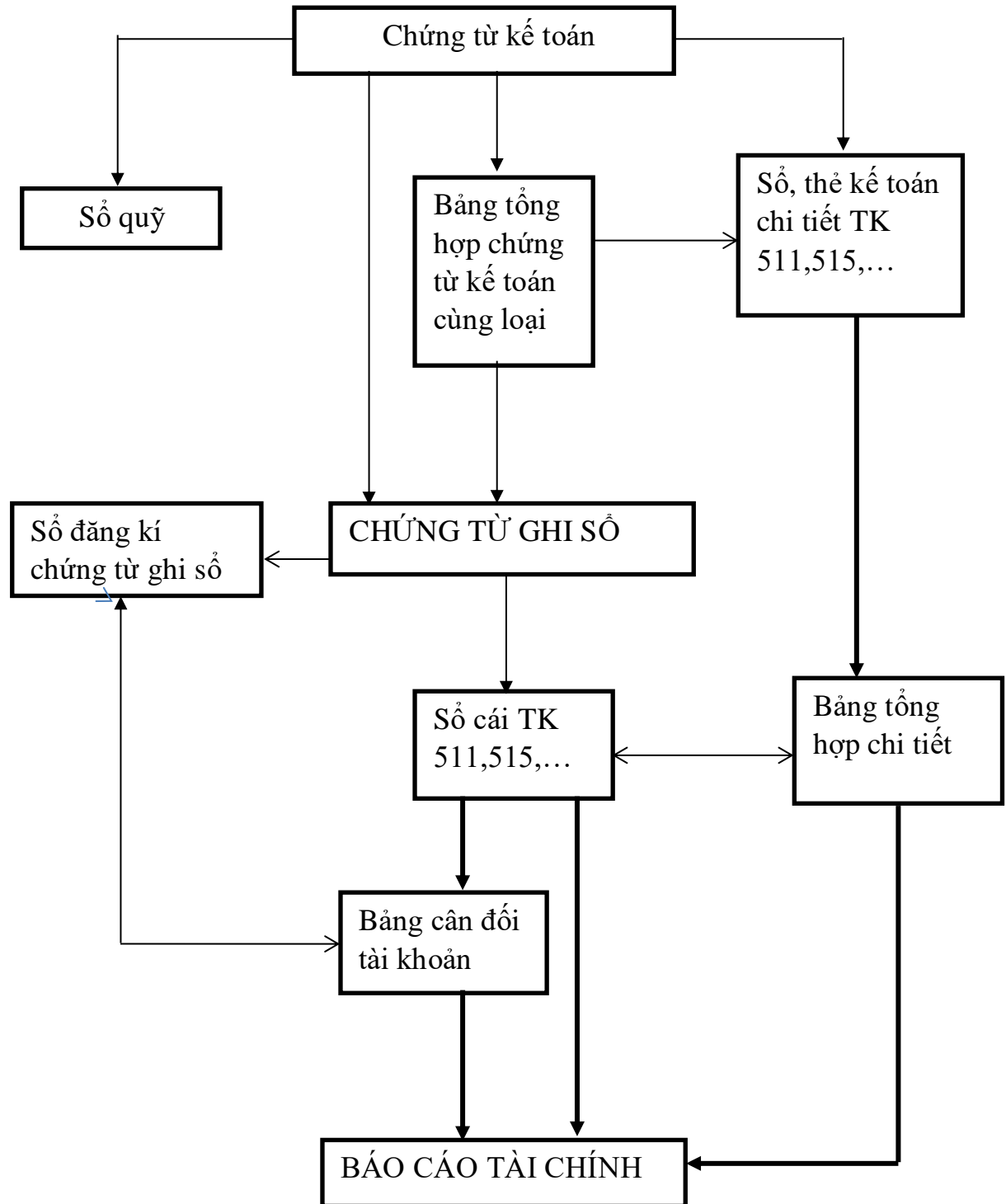
+ Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

-Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm và phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ :



Sơ đồ 1.12: Hạch toán theo hình thức sổ chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

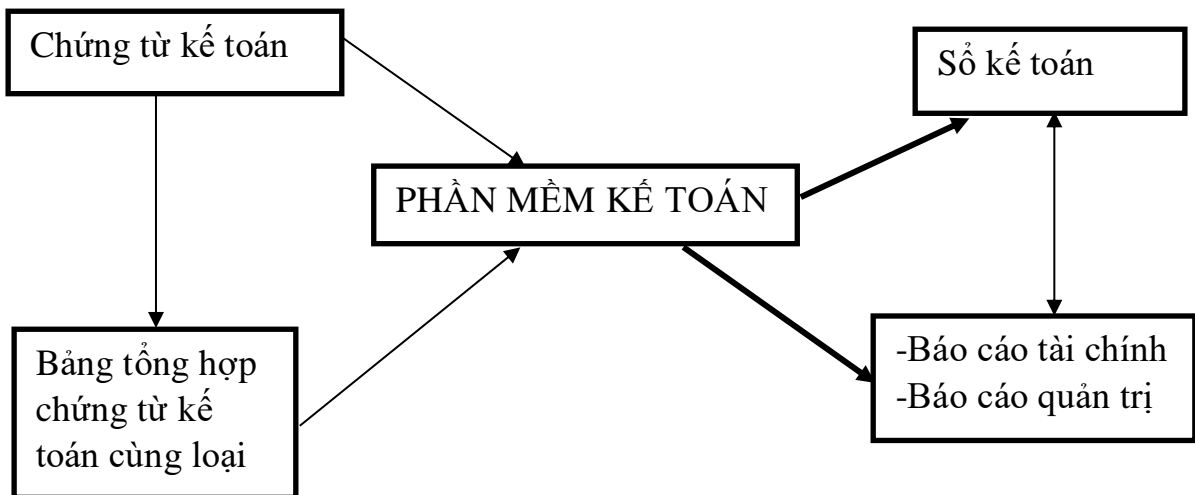
Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy tính

Đặc trưng

- Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.13: Hạch toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức ghi trên phần mềm máy tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu kiểm tra: \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG.

2.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Công ty TNHH cơ khí Mai Phương được thành lập ngày 28/5/2006, địa chỉ thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng.

Trải qua hơn 10 năm thành lập công ty TNHH cơ khí Mai Phương không ngừng lớn mạnh, tung trưởng về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, quản lý đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động.

2.1.2 Đặc điểm sản phẩm công ty

Sự đa dạng sản phẩm

- Công ty TNHH cơ khí Mai Phương chuyên kinh doanh cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

Ưu điểm của công nghệ phun phủ:

Công nghệ phun phủ có những ưu điểm nổi trội so với những công nghệ khác, đó là:

- Bằng sự phun có thể phủ các vật liệu rất khác nhau trên bề mặt chi tiết. Chẳng hạn, có thể phủ kim loại trên kính, vải, gỗ, giấy...

- Có thể phun trên các bề mặt có diện tích lớn hoặc các vùng nhỏ của chi tiết lớn. Trong khi đó bằng các phương pháp khác như nhúng, mạ, khuếch tán v.v... không thể thực hiện được mục đích này do không có các thiết bị phụ trợ thích hợp (Như bể chứa hoặc các thiết bị nung nóng). Phun phủ là phương pháp tiện lợi nhất và kinh tế nhất đối với các chi tiết có yêu cầu mặt phủ lớn.

- Cũng như hàn đắp, phun phủ cho phép tạo lớp đắp với chiều dày tương đối lớn (để phục hồi các chi tiết bị mài mòn).

- Thiết bị phun phủ khá đơn giản và gọn nhẹ, có thể di chuyển dễ dàng và nhanh chóng. Chẳng hạn, khi phun bằng ngọn lửa khí chỉ cần máy nén khí,

mở đốt và bình khí. Khi có nguồn điện có thể ứng dụng phương pháp phun điện với những súng phun cầm tay rất tiện lợi.

- Có thể sử dụng các kim loại và hợp kim khác nhau, hoặc hỗn hợp của chúng. Có thể phun nhiều lớp với những vật liệu khác nhau để tạo các lớp phủ có tính chất đặc biệt.

- Chi tiết phun ít bị biến dạng, trong khi đó, sự đốt nóng toàn phần hoặc cục bộ các chi tiết phủ bằng các phương pháp khác có thể gây biến dạng lớn.

- Bằng phương pháp phun phủ có thể sản xuất các chi tiết có hình dạng phức tạp. Trong trường hợp này, sự phun được tiến hành trên mặt khuôn mẫu. Sau khi phun khuôn mẫu được tháo ra để lại lớp vỏ tạo thành từ lớp phun.

- Quá trình công nghệ phun phủ đảm bảo năng suất cao và đặc trưng bởi khối lượng công việc không lớn

- ***Nhược điểm của công nghệ phun phủ:***

- Khi phun các chi tiết nhỏ, sự phun ít hiệu quả do tổn hao vật liệu phun lớn. Trong trường hợp này, kinh tế hơn là sử dụng các phương pháp khác.

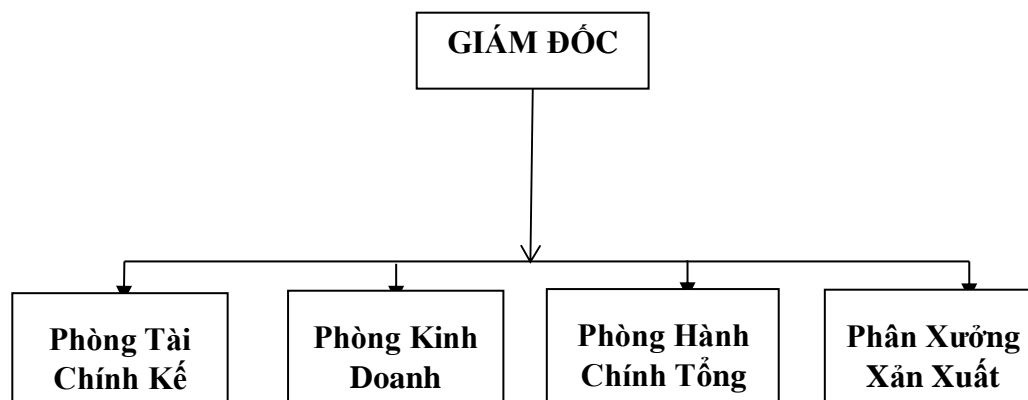
- Quá trình chuẩn bị bề mặt trước khi phun phức tạp và gây ô nhiễm môi trường làm việc do phải sử dụng các thiết bị tẩy rửa và làm sạch như máy phun cát. Phun bi, phun bột kim loại và các dung dịch tẩy rửa khác.

- Trong quá trình phun các hạt phun có thể bị bắn tung toé, đồng thời có thể tạo các hợp chất có hại cho sức khỏe người sử dụng. Do đó công nhân cần phải có dụng cụ bảo hộ an toàn.

- Đòi hỏi trình độ tay nghề công nhân kỹ thuật tương đối cao.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của công ty:

2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Mai Phương.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ từng bộ phận:

Bộ máy của Công ty TNHH cơ khí Mai Phương được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng:

Giám đốc:

- Là người đứng đầu công ty có thẩm quyền cao nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Nhà nước và có nhiệm vụ sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý. Giám đốc trực tiếp điều hành phòng kế toán tài vụ, phòng tổ chức hành chính.

Phòng kinh doanh:

- Giúp đỡ, hỗ trợ, cung cấp cho giám đốc trong lĩnh vực thị trường, kế hoạch kinh doanh, đầu tư phát triển, chiến lược marketing với các sản phẩm của công ty. Thu thập các thông tin, tìm hiểu các doanh nghiệp cạnh tranh. Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác trong công ty nhằm đạt được hiệu quả kinh tế chung cao nhất.

Phòng tổ chức hành chính:

- Xây dựng các phương án tổ chức lao động và bộ máy quản lý của công ty. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng ban trong công ty. Tham mưu cho giám đốc về các chế độ tuyển dụng, đào tạo và bố trí lao động của công ty. Xây dựng các điều lệ, nội quy làm việc. Lập kế hoạch tiền lương, mua sắm sửa chữa, quản lý bảo dưỡng các tài sản của công ty. Theo dõi giám sát các chế độ làm việc, tạo điều kiện làm việc, tổ chức thi đua khen thưởng, kỷ luật... Quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên, giám sát việc thực hiện nội quy, đảm bảo an toàn về người và tài sản công ty.

Phòng tài chính kế toán:

- Ghi chép, phản ánh, kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính phát sinh trong toàn công ty và hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, cung cấp số liệu báo cáo chính xác, trung thực, kịp thời đầy đủ cho các cấp quản lý trong và ngoài công ty.

2.2 Khái quát tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương

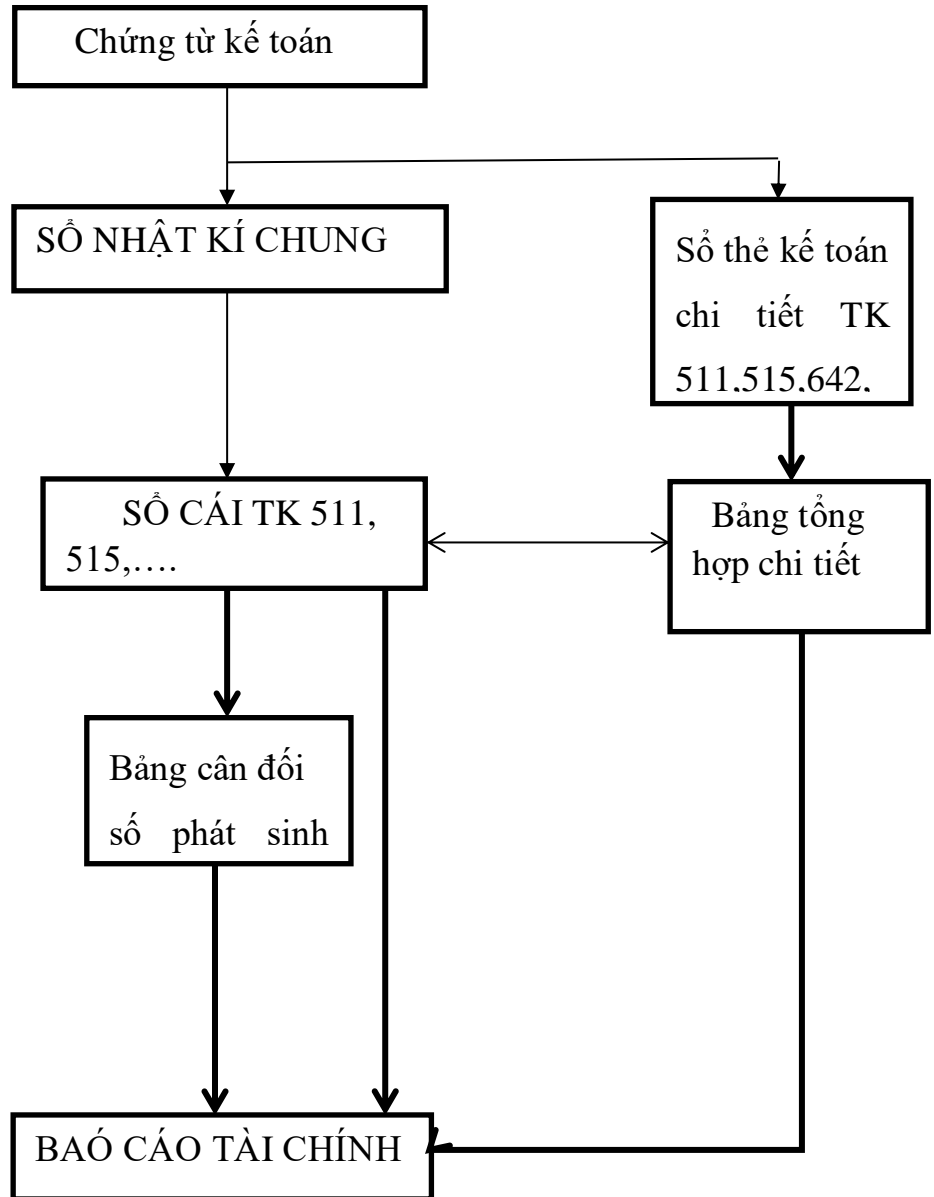
2.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán

* Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung của Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

2.2.2 Chính sách kế toán áp dụng tại cty TNHH cơ khí Mai Phương.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Chế độ kế toán: Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính. Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng, phương pháp tính giá hàng xuất kho nhập trước xuất trước.

2.3 Thực trạng tổ chức tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

2.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng
 - +Hóa đơn giá trị gia tăng
 - +Các chứng từ khác có liên quan
 - Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ
 - Tài khoản chi tiết:
 - +Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - +Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - +Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - +Tài khoản 5118: Doanh thu khác
 - Sổ sách sử dụng
 - +Sổ nhật ký chung
 - +Sổ cái tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ
 - Khảo sát nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - Ví dụ 1: Ngày 03/11/2017, bán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Tuần Châu 5 máy cắt, số tiền là 22.000.000 đồng (bao gồm VAT 10%) theo HĐGTGT số 0002234, đã thanh toán bằng chuyển khoản.
- | | |
|--------------------------------|------------|
| Kế toán định khoản: Nợ TK 112: | 22.000.000 |
| Có TK 511: | 20.000.000 |
| Có TK 3331: | 2.000.000 |
- Kế toán lập HĐ GTGT số 0002234 (Biểu số 2.1) và giao Liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.

Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN					
GIA TRỊ GIA TĂNG					
<i>Liên 3: Nội bộ</i>				Mẫusố:01GTKT3/001	
<i>Ngày 03 tháng 11 năm 2017</i>				Ký hiệu: AA/16P	
Số: 0002234					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG					
Mã số thuế: 0201267437					
Địa chỉ: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn , An Dương , Hải Phòng					
Điện thoại: 02253,589086			Fax:		
Số tài khoản:.....Tại: TMCP Công thương Việt Nam					
Họ tên người mua hàng: Phạm Bá Trực					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Tuần Châu					
Mã số thuế:5701355874.....					
Địa chỉ: Số 288 Phường Tuần Châu - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán:TM/CKSố tài khoản: 120210000853441					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy cắt	Chiếc	5	4.000.000	20.000.000
<i>Cộng tiền hàng:20.000.000.....</i>					
<i>Thuế suất GTGT: ...10%....</i>			<i>Tiền thuế GTGT:.....2.000.000.....</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:22.000.000.....</i>					
<i>Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu số 2.2 GBC ngày 03/11/2017.



GIẤY BÁO CÓ

Số : 483

Ngày in: 03/11/2017

Giờ in: 15h30'

Số tài khoản: 102010000469441

Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách đã được ghi có với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
03/11/2017	22.000.000	VND	Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Tuần Châu thanh toán tiền mua máy cắt.
Số tiền bằng chữ: Hai mươi ha triệu đồng chẵn.			
Giao dịch viên		Kiểm soát	

Biểu số 2.3 – HĐ GTGT 0002265

HÓA ĐƠN GIA TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> <i>Ngày 12 tháng 11 năm 2017</i>			Mẫusố:01GTKT3/0 01 Ký hiệu: AA/16P Số: 0002265		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG Mã số thuế: 0201267437 Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng. Điện thoại: 02253.589086 Fax: Số tài khoản:...102010000469441....Tại: TMCP Công thương Việt Nam					
Họ và tên người mua hàng: Phạm Bá Trục Đơn vị: CÔNG TY TNHH INOX THANH QUỲNH Mã số thuế: 0201907990 Địa chỉ: Số 15/2/19/225 Hào Khê, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Điện thoại: 0225 3262134 Fax: Số tài khoản:...120210000964551....Tại:.....					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy khoan	máy	10	1.500.000	15.000.000
<i>Cộng tiền hàng:.....</i>					<i>15.000.000.....</i>
<i>Thuế suất GTGT: ...10%....</i>			<i>Tiền thuế GTGT:.....</i>		
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:.....</i>					<i>16.500.000.....</i>
<i>Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu số 2.4– Phiếu thu số 27/11**Đơn vị:** CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG**Địa chỉ:** thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
An Dương , Hải Phòng**Mẫu số: 01 - TT**(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-
BTC**PHIẾU THU**

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Ngày 26/08/2016 của
Bộ Tài chính)

Quyển số:

Số: 27/11

Nợ TK111: 16.500.000

Có TK511: 15.000.000

Có TK3331: 1.500.000

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH inox Thanh Quỳnh

Địa chỉ: : Số 15/2/19/225 Hào Khê, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành
phố Hải Phòng.

Lý do nộp: Tiền mua máy khoan

Số tiền : 16.500.000 (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Giám đốc(Ký, họ tên,
đóng dấu)**Kế toán****trưởng**
(Ký, họ tên)**Người nộp****tiền**
(Ký, họ tên)**Người lập****phiếu**
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn
tám trăm đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.5 – Sổ nhật ký chung (trích)**Đơn vị:** CÔNG TY MAI PHƯƠNG**Địa chỉ:** thôn Cách Thượng , xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S03b- DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2017***Đơn vị tính : VNĐ*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
....
03/11	HD 0002234 GBC 483	03/1 1	Bán máy cắt cho Công ty CP XD & Du lịch Tuần Châu	112		22.000.000	
					511		20.000.000
					3331		2.000.000
...
12/11	PT 27/11 HD 0002265	12/1 1	Bán 10 máy khoan cho cty TNHH inox Thanh Quỳnh	111		16.500.000	
					511		15.000.000
					3331		1.500.000
....
			Tổng cộng			152.030.779.745	152.030.779.745

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6 – Sổ cái TK511 (trích)

Đơn vị Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
03/11	GBC 483	03/11	Bán máy cắt cho Công ty CP XD & Du lịch Tuần Châu	112		20.000.000
.....	
12/11	PT 27/11	12/11	Bán 10 máy khoan cho cty TNHH inox Thanh Quỳnh	111		15.000.000
25/11	HD GTG T 0002 280	25/11	Bán 15 máy đục Công ty TNHH Trúc Mai chưa thu tiền	131		30.000.000
...
31/12	PKT 10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	911	20.393.855.780	
			Cộng số phát sinh		20.493.855.780	20.493.855.780
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.3.1.1 Kế toán giá vốn hàng bán

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu xuất kho
 - + các chứng từ liên quan khác như hợp đồng kinh tế,
- Tài khoản sử dụng:
 - TK 632: giá vốn hàng bán
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật kí chung
 - + Sổ cái tài khoản 632: giá vốn hàng bán

- Khảo sát nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 11/2017 của công ty
 - Ví dụ 3 Ngày 03/11/2017, bán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Tuần Châu 5 máy cắt, số tiền là 22.000.000 đồng (bao gồm VAT 10%) theo HĐGTGT số 0002234, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho (biểu 2.7) để phản ánh giá vốn.

Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho số 3/11

Công ty TNHH cơ khí Mai Phương Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, HP		PHIẾU XUẤT KHO Ngày 3 tháng 11 năm 2017		Mẫu số: 02 - VT (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) Số: 3/11 Nợ: 632 Có : 156			
Họ và tên người nhận hàng: Công ty CP xây dựng và du lịch Tuần Châu Địa chỉ: Tòa nhà Cảng tàu khách Tuần Châu, Phường Tuần Châu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho khách Xuất tại kho (ngăn lô):							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy cắt		cái	5	5	3.600.000	18.000.000
	Cộng						18.000.000
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chứng từ gốc kèm theo: 01							
Hải Phòng, ngày 3 tháng 11 năm 2017							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			

Kế toán tiến hành tính đơn giá xuất kho cho hàng hóa máy cắt

- Ngày 31/10: tồn 31 cái đơn giá 3.600.000đ/cái

- Ngày từ ngày 1/11 đến 3/11 không nhập thêm

Vì vậy đơn giá xuất kho máy cắt ngày 3/11 theo phương pháp nhập trước xuất trước là đơn giá tồn ngày 31/10.

Biểu số 2.8. Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
 Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
 An Dương, HP.

Mẫu số S03a- DNN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
....
16/01	P XK 16/11	3/11	Xuất kho	632		18.000.000	
			Máy cắt		156		18.000.000
...
28/11	P XK 28/11	28/11	Xuất kho sơn	632		7.200.0000	
			bóng		156		7.200.0000
....
			Tổng cộng			152.030.779.745	152.030.779.745

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.9)

Biểu số 2.9. Trích sổ cái tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
An Dương, HP.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI
năm 2017

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VNĐ

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
3/11	PXK 3/11	3/11	Xuất kho máy cắt	156	18.000.000	
.....	
28/11	PNK 28/11	28/11	Xuất kho sơn bóng	156	7.200.000	
...
31/12	PKT11/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		18.075.432.050
			Cộng số phát sinh		18.075.432.050	18.075.432.050
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.3.1.2. Chi phí quản lí kinh doanh

-Chứng từ sử dụng:

+Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng

+Phiếu chi, ủy nhiệm chi

+Giấy báo nợ của ngân hàng

+Bảng thanh toán lương

+Các chứng từ có liên quan khác

-Tài khoản sử dụng:

TK642: Chi phí quản lí kinh doanh

-sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật kí chung

+Sổ cái các tài khoản: 642

-Khảo sát nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Ví dụ 4: Ngày 10/11 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại tháng 10 của bộ phận bán hàng với số tiền 2.200.000 đồng (đã có VAT)

Kế toán hạch toán: Nợ TK6421: 2.000.000

Nợ TK133: 200.000

Có TK111: 2.200.000

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (biểu số 2.10) kế toán lập Phiếu chi số 10/11(biểu số 2.11).

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.12) và Sổ cái (biểu số 2.13)

**Biểu số 2.10 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông****HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Tháng 10/2017

Mẫu số:
01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial No): AD/16E

Số (No): 3494899

**Liên 2: Giao cho người mua
(Customer copy)**

Mã số thuế: 0106869738 – 203

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT - Số 5 Nguyễn Tri Phương, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

MST: 0200656247

Địa chỉ (Address): thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Số điện thoại (Tel): 02253.589086

Mã số (Code): QNID00951110

Hình thức thanh toán (Kind of payment): CK/TM

STT (No)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (Kind of service)	ĐVT (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount) VNĐ
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Các khoản chịu thuế				2.000.000
2	Các khoản không chịu thuế và thu khác				0
3	Khuyến mại (không thu tiền)				0
4	Các khoản truy thu, giảm trừ				0
Cộng tiền dịch vụ (Total) (A)=(1+2-3+4):					2.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% \times (1-3)=					200.000
Tiền thuế GTGT (VAT amount) (B):					
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (C)=(A+B):					2.200.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017

Người nộp tiền ký

(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký

(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.11 – Phiếu chi số 10/11**Đơn vị:** Công ty TNHH cơ khí Mai Phương**Địa chỉ:** thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, HP .**Mẫu số: 02 - TT**(Ban hành theo Thông tư số:
133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài
chính)

Quyển số:.....06.....

Số:10/11.....

Nợ TK6421: 2.000.000

Nợ TK133: 200.000

Có TK111:2.200.000

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 11 năm 2017

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Việt Hương

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT - Số 5 Nguyễn Tri Phương, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Lý do chi: Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 10/2017

Số tiền : 2.200.000 (Viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 11 năm 2017

Giám đốc
(Ký tên, đóng
dấu)**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.12 – Sổ Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
An Dương, Hải PHÒNG.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...
10/11	PC 10/11	10/11	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133	111	2.000.000 200.000	2.200.000
....
12/11	PT 27/11	12/11	Bán 10 máy khoan cho cty TNHH inox Thanh Quỳnh	112	511 3331	16.500.000	15.000.000 1.500.000
.....
			Tổng cộng			152.030.779.745	152.030.779.745

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 201

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13 – Sổ cái TK 642 (trích)

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thương, xã Nam Sơn, huyện
An Dương, Hải PHÒNG.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
10/11	PC 10/11	10/11	Thanh toán dịch vụ viễn thông	111	2.000.000	
.....	
20/11	PC 15/11	20/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	4.506.000	
...
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		2.270.875.870
			Cộng số phát sinh		2.270.875.870	2.270.875.870
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.3.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Chứng từ sử dụng

+ Giấy báo có

- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

- Sổ sách sử dụng

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 515

- Khảo sát nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

+ Ngày 30/11: công ty nhận tiền lãi gửi ngân hàng là 450.000 của ngân hàng

TMCP Công thương Việt Nam


Căn cứ vào giấy báo lãi ghi vào sổ nhật ký chung.

Định khoản:

Nợ TK 112: 450.000

Có TK 515: 450.000

Biểu 2.14: Giấy báo có



GIẤY BÁO CÓ

Số: 502
 Ngày in: 30/11/2017
 Giờ in: 15:45:07

Số tài khoản: 102010000469441
 Tên tài khoản: CÔNG TY TNHH cơ khí Mai Phương
 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của Quý khách đã được ghi có với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
30/11/2017	450.000	VND	Lãi nhập vốn

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi nghìn đồng.

Giao dịch viên	Kiểm soát
----------------	--------------

Biểu 2.15: Sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
 An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Tháng 11 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng					Nợ	Có
....		
30/11	GBC 502	30/11	Lãi tiền gửi tháng 11			112 515	450.000	450.000
....
			Tổng cộng				152.030.779.745	152.030.779.745

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.16: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
 An Dương, HP

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tháng 11 năm 2017

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
.....
30/11	GBC 502	30/11	Lãi tiền gửi tháng 11			112		450.000
31/12	GBC 672	31/12	Lãi tiền gửi tháng 12			112		573.580
31/12	PKT 10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			911	5.556.220	
			Cộng phát sinh				5.556.220	5.556.220
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có....trang , được đánh số từ trang 01 đến trang
- Ngày mở sổ :

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.1.4. Chi phí tài chính

- Trong năm 2017 tại công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK 635.

2.3.1.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ sử dụng:

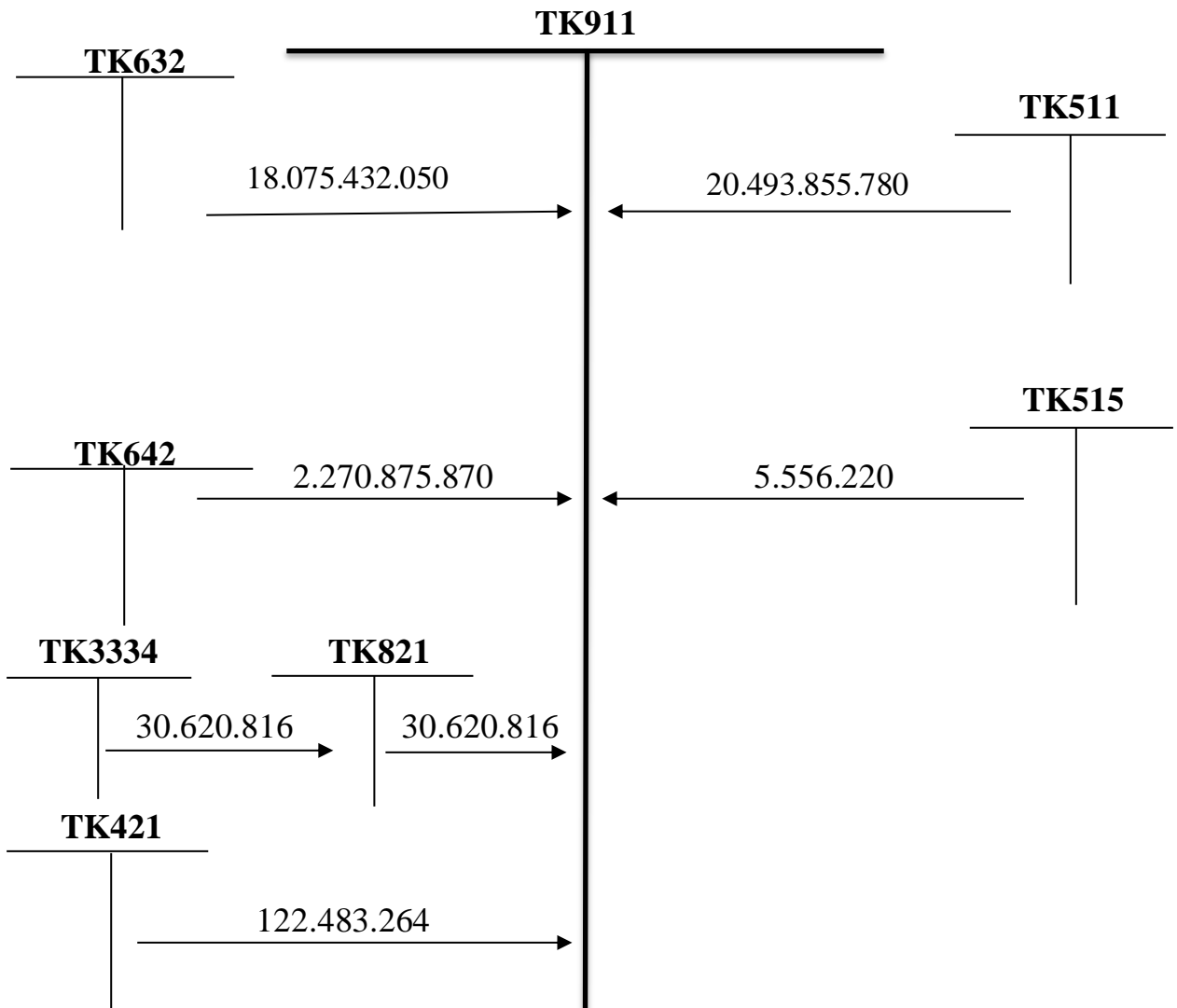
- Phiếu kế toán.

2.3.1.5.1 Tài khoản sử dụng:

- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:

Xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty



Biểu số 2.17 – Phiếu kế toán số 10

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: thôn Cách Thượng , xã Nam Sơn, huyện An Dương, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 10/12

STT	Trích yếu	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	20.493.855.780
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	5.556.220
	Cộng			20.499.412.000

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 11

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: thôn Cách Thượng , xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải PHÒNG

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 11/12

STT	Trích yếu	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	18.075.432.050
2	Kết chuyển CPQLKD	911	642	2.270.875.870
	Cộng			20.346.307.920

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 12

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 12/12

STT	Trích yếu	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định CP Thuế TNDN	821	333	30.620.816
	Cộng			30.620.816

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 12

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 13/12

STT	Trích yếu	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển CP Thuế TNDN	911	821	30.620.816
	Cộng			30.620.816

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 12

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 14/12

STT	Trích yếu	SHTK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	LNST	911	421	122.483.264
	Cộng			122.483.264

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22. Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
An Dương, HP .

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài
chính)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
...
31/12	PKT 10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511 515 911	20.493.855.780 5.556.220	20.499.412.000
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911 632 642	20.246.307.920	18.075.432.050 2.261.875.870
31/12	PKT 12/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821 3334	30.620.816	30.620.816
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911 821	30.620.816	30.620.816
31/12	PKT 14/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	202.483.262	202.483.262
			Cộng lũy kế từ năm trước		152.210.779.743	152.210.779.743

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:

Hải Phòng, 31 tháng 12 năm 2017

Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
An Dương, Hải PHÒNG.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài
chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu TK: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		20.493.855.780
PKT10/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		5.556.220
PKT11/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	18.075.432.050	
PKT11/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	2.261.875.870	
PKT13/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	30.620.816	
PKT14/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	122.483.264	
		Cộng số phát sinh năm		20.499.412.000	20.499.412.000
		<u>Số dư cuối năm</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Hải Phòng, 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK 821

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
 Địa chỉ: thong Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
 AN Dương, HP .

Mẫu số S03b- DNN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2017
Tên tài khoản: Thuế TNDN
Số hiệu: 821

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số dư đầu năm			
31/12	PKT 12/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	30.620.816	
31/12	PKT 13/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		30.620.816
			Cộng lũy kế		30.620.816	30.620.816
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:

Hải Phòng, 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25. Trích sổ cái TK 821

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
 Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện
 An Dương, Hải PHÒNG.

Mẫu số S03a- DNN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI**Năm 2017****Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu: 421**

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>224.557.296</u>
31/12	PKT 11/12	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		112.483.264
			Cộng lũy kế			112.483.264
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>337.040.560</u>

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:

Hải Phòng, 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương
Địa chỉ: thôn Cách Thượng xã Nam Sơn, huyện
An Dương, HP .

Mẫu số B01a- DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		20.393.855.780	19.456.753.124
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		20.493.855.780	19.456.753.124
4. Giá vốn hàng bán	11		18.075.432.050	17.323.867.356
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.318.423.730	2.132.885.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.556.220	3.146.450
7. Chi phí tài chính	22			
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.270.875.870	1.926.765.319
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-24)	30		153.104.080	1.923.145.77
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		153.104.080	209.266.827
14. Chi phí thuế TNDN	51		30.620.816	41.853.365
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		122.483.264	167.413.462

Hải Phòng, 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MAI PHƯƠNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

3.1.1. Ưu điểm

-Bộ máy kế toán của Công ty được bố trí gọn nhẹ, phân công công việc tương đối hợp lí. Nhiệm vụ, trách nhiệm của từng người được quy định rõ ràng và được thực hiện nghiêm túc. Tính chuyên môn hoá cao giúp cho công tác kế toán diễn ra hiệu quả, tránh tình trạng chồng chéo, bỏ sót công việc. Các thành viên trong phòng luôn duy trì mối liên hệ công việc chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng trong quá trình làm việc.

Đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, kinh nghiệm sâu rộng, nắm vững những quy định, chuẩn mực kế toán, có khả năng xử lý linh hoạt, nhạy bén trước thực tế phát sinh tại Công ty, nhiệt tình với công việc, có ý thức trau dồi, nâng cao kiến thức bản thân và được tập huấn định kì về nghiệp vụ kế toán

-Về công tác kế toán:

Công ty TNHH cơ khí Mai Phương luôn tuân thủ Luật kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán hiện hành, quyết định số 133/2016/ TT-BTC và đảm bảo tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán trong công tác hạch toán.

Một ưu điểm không thể không kể đến của Công ty là sự áp dụng hết sức linh hoạt, sáng tạo các chuẩn mực, quy định kế toán nói chung và Quyết định 133/2016/ TT-BTC nói riêng trong công tác kế toán tại Công ty. Căn cứ vào các quy định, chuẩn mực đó, Công ty đã có những điều chỉnh nhất định cho hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và công tác hạch toán thực tế tại Công ty, theo đó:

- Các chứng từ kế toán của Công ty một mặt tuân thủ những yếu tố bắt buộc của mẫu chứng từ ban hành theo quyết định số 133/2016/ TT-BTC nhưng chi tiết thêm một số chi tiết để tiện cho công tác theo dõi, quản lý

.- Trên nền tảng là hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định 133/2016/ TT-BTC, Công ty đã xây dựng một hệ thống tài khoản chi tiết đến các

tài khoản cấp 3, giúp các nhà quản lý và các kế toán viên theo dõi chặt chẽ sự biến động của từng đối tượng kế toán

- Hệ thống sổ sách kế toán của Công ty về cơ bản vẫn tuân thủ theo mẫu sổ của hình thức Nhật kí chung. Một số sổ được thiết kế lại theo hướng kết hợp các sổ sách liên quan đến quá trình vận động của một đối tượng kế toán, giúp giảm thiểu số lượng sổ sách và sự phức tạp trong công tác hạch toán.

- Các báo cáo tài chính tuân thủ theo biểu mẫu của Bộ Tài chính và được lập theo tháng, quý, năm giúp ban lãnh đạo theo dõi sát tình hình hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty TNHH cơ khí Mai Phương đã trang bị cho mình một mạng thông tin nội bộ hữu hiệu, liên kết chặt chẽ các phòng ban liên quan.

Đặc biệt, Công ty cũng tự thiết kế phần mềm kế toán dựa trên các yêu cầu bắt buộc của một phần mềm kế toán và những yêu cầu phát sinh thực tế trong công tác hạch toán tại Công ty. Phần mềm này đã giúp giảm thiểu khối lượng công việc hạch toán hàng ngày cho các kế toán viên, hệ thống hoá các thông tin, tự động thực hiện kiểm tra đối chiếu thông tin kế toán, vì vậy giúp hạn chế sai sót có thể xảy ra.

Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến công tác tổ chức các phần hành kế toán, vừa đảm bảo tính chuyên môn hoá cao vừa duy trì sự liên hệ chặt chẽ giữa các phần hành kế toán. Trong phần hành tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, Công ty đã xây dựng một hệ thống tài khoản và sổ sách thống nhất, chi tiết, đầy đủ. Kỳ tính giá thành của Công ty được xác định theo tháng, giúp cho các nhà quản lý theo dõi chính xác giá thành sản phẩm và có biện pháp điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.

3.1.2. Hạn chế

- Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán.

- Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường

đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương chưa thực sự được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kì một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

-Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

-Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

+Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

+Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. +Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

-Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng tại công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

- **Lý do :** Công ty TNHH cơ khí Mai Phương chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng. Để có thể xác định được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng thì phải phân bổ chi phí quản lý kinh doanh.
- **Tiêu thức:** Tính theo tiêu thức doanh thu thuần.
- **Công thức:**

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{Phân bổ cho mặt} \\ \text{hàng i} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Tổng} \\ \text{chi phí quản lý kinh doanh} \\ \text{Tổng doanh thu thuần} \\ \text{của tất cả các mặt hàng} \end{array}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \begin{array}{c} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần của} \\ \text{mặt hàng i} \end{array}$$

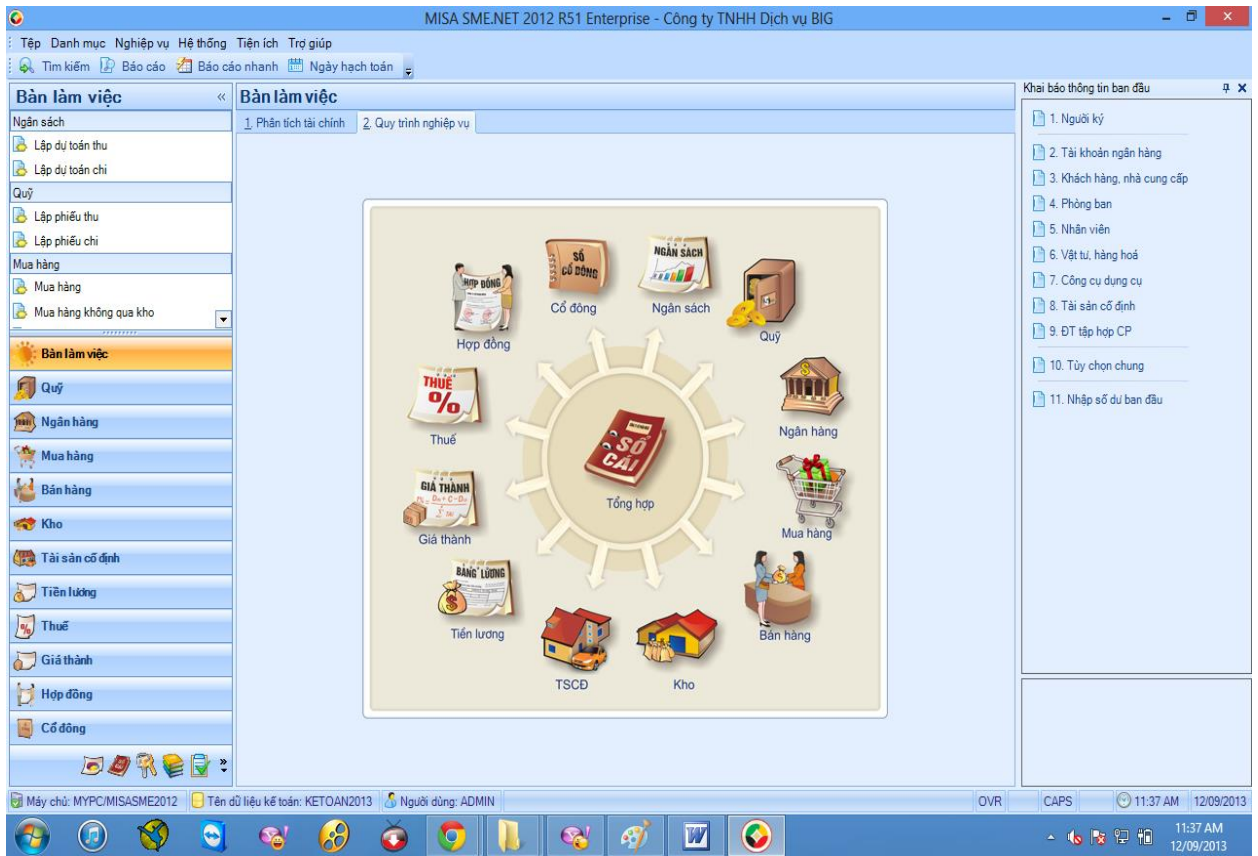
3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,... giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Để phù hợp với quy mô của Công ty thì kế toán trưởng nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA. Một số giao diện về phần mềm:

- Phần mềm kế toán Fast Accounting
- Phần mềm kế toán MISA



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA



Hình 2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting

3.4.3. Kiến nghị 3: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí

Để hoàn thiện hơn hệ thống kế toán công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.3) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.4).

Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:		Mã số: S16-DNN							
Địa chỉ:		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/ TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)							
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tháng....Năm....									
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					<i>Ngày ... tháng ... năm</i>				
- Ngày mở sổ: ...		Người ghi sổ		Kế toán trưởng			Giám đốc		
		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>		

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (như biểu số 3.4) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng.

Biểu số 3.2 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:		Mẫu số S17-DNN								
Địa chỉ:		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)								
SỔ CHI PHÍ KINH DOANH (Dùng cho các TK 642, 632...) Tài khoản: Tên sản phẩm dịch vụ:										
NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Chia ra				
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...										
Ngày mở sổ: ...				Ngày ... tháng ... năm...						
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)						

Ví dụ (ví dụ 1/chương 2): Ngày 03/11/2017, bán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Tuần Châu 5 máy cắt, số tiền là 22.000.000 đồng (bao gồm VAT 10%) theo HĐGTGT số 0002234, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

-kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí quản lý kinh doanh cho tài khoản 632.

Biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: thôn Cách Thương, xã Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BT ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa: Sơn bóng

Năm: 2017

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
...
16/11	HĐ 0002247	16/11	Bán sơn bóng cho công ty CP đường bộ Hải Phòng	112	5	4.400.000	22.000.000		
...
			Cộng số phát sinh				152.030.779.745		
			Giá vốn hàng bán				18.075.432.050		
			Lãi gộp				133.955.347.695		

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám Đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí Mai Phương

Địa chỉ: thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, An Dương,
Hải Phòng.**Mẫu số S17-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Tên sản phẩm dịch vụ hàng hóa: Sơn bóng

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			- Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...
3/11	PX3/11	3/11		156	50	3.600.000	18.000.000
...
			Cộng số phát sinh				18.075.432.050
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+ Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyên chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra

+ Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN



Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương em tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương nhằm phục vụ cho nội dung bài khóa luận tốt nghiệp với các kết quả sau:

- Hệ thống hóa lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông tư 133.

- Mô tả chi tiết thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương.

- Trên cơ sở đưa ra các ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương, bài viết đã đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói trên tại Công ty TNHH cơ khí Mai Phương như:

- + Kiến nghị về việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng.
- + Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán
- + Kiến nghị về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng hoạt động.
- + Kiến nghị về nâng cao trình độ của nhân viên phòng kế toán.

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths. Nguyễn Đức Kiên và sự giúp đỡ của ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH cơ khí Mai Phương em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH cơ khí Mai Phương để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) — Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.